PHỤ LỤC I

Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 Khu đô thị Phú Lộc II, III

(Kèm theo Kế hoạch số: 207 /KH-UBND ngày 25 /5/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Số ô	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m²)
I	**Đợt 1: 25 ô đất Khu đô thị Phú Lộc II**				**2.260,5**
1	3	NLK 14.3	221	322	100,0
2	4	NLK 14.3	222	322	100,0
3	5	NLK 14.3	223	322	100,0
4	10	NLK 13A	224	322	111,8
5	6	NLK 22A.2	251	326	91,0
6	23	NLK 22A.1	250	326	87,5
7	1	NLK E.2	234	326	92,5
8	2	NLK E.2	235	326	87,5
9	3	NLK E.2	236	326	87,5
10	4	NLK E.2	237	326	87,5
11	5	NLK E.2	238	326	87,5
12	6	NLK E.2	239	326	92,5
13	22	NLK E.1	342	330	91,0
14	23	NLK E.1	343	330	86,3
15	24	NLK E.1	344	330	86,3
16	4	NLK 22B	80	326	82,5
17	5	NLK 22B	98	326	82,5
18	6	NLK 22B	97	326	82,5
19	15	NLK 22B	267	326	87,5
20	4	NLK 22B.1	243	326	86,2
21	5	NLK 22B.1	244	326	86,2
22	6	NLK 22B.1	245	326	99,6
23	7	NLK 22B.1	248	326	82,5
24	8	NLK 22B.1	249	326	82,5
25	1	NLK 22B.1	240	326	99,6
II	**Đợt 2: 24 ô đất Khu đô thị Phú Lộc II**				**2.214,9**
1	2	NLK 22B.1	241	326	86,2

STT	Số ô	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m²)
2	3	NLK 22B.1	242	326	86,2
3	9	NLK 22B.1	247	326	82,5
4	10	NLK 22B.1	246	326	82,5
5	22	NLK 22B	103	326	82,5
6	23	NLK 22B	102	326	82,5
7	24	NLK 22B	101	326	82,5
8	25	NLK 22B	100	326	82,5
9	26	NLK 22B	99	326	82,5
10	27	NLK 22B	79	326	82,5
11	28	NLK 22B	78	326	82,5
12	7	NLK 16	266	325	100,0
13	8	NLK 16	267	325	100,0
14	9	NLK 16	268	325	100,0
15	10	NLK 16	269	325	100,0
16	11	NLK 16	270	325	100,0
17	12	NLK 16	271	325	100,0
18	13	NLK 16	272	325	100,0
19	14	NLK 16	273	325	100,0
20	15	NLK 16	274	325	100,0
21	19	NLK 16	278	325	100,0
22	20	NLK 16	279	325	100,0
23	21	NLK 16	280	325	100,0
24	22	NLK 16	281	325	100,0
III	**Đợt 3: 26 ô đất Khu đô thị Phú Lộc II và 02 ô đất Phú Lộc III**				**2.751,5**
3.1. Khu đô thị Phú Lộc II					**2.571,5**
1	22	NLK 14.1	230	322	115,9
2	23	NLK 14.1	229	322	94,5
3	24	NLK 14.1	228	322	94,5
4	25	NLK 14.1	227	322	94,5
5	26	NLK 14.1	226	322	94,5
6	27	NLK 14.1	225	322	108,0

STT	Số ô	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m²)
7	1	NLK 16	284	325	102,2
8	2	NLK 16	285	325	90,0
9	3	NLK 16	286	325	90,0
10	4	NLK 16	287	325	90,0
11	5	NLK 16	288	325	90,0
12	6	NLK 16	289	325	107,4
13	16	NLK 16	275	325	100,0
14	17	NLK 16	276	325	100,0
15	18	NLK 16	277	325	100,0
16	29	NLK 16	265	325	100,0
17	30	NLK 16	264	325	100,0
18	31	NLK 16	263	325	100,0
19	32	NLK 16	262	325	100,0
20	33	NLK 16	261	325	100,0
21	34	NLK 16	260	325	100,0
22	35	NLK 16	259	325	100,0
23	36	NLK 16	258	325	100,0
24	37	NLK 16	257	325	100,0
25	38	NLK 16	256	325	100,0
26	39	NLK 16	255	325	100,0
3.2. Khu đô thị Phú Lộc III					**180,0**
27	13	LK-5	118	335	90,0
28	14	LK-5	119	335	90,0
Tổng diện tích					**7.226,9**

PHỤ LỤC II

Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 Khu đô thị Nam Hoàng Đồng I

(Kèm theo Kế hoạch số: 207 /KH-UBND ngày 25 /5/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Số ô	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ bản đồ	Diện tích (m²)
06 ô đất Khu đô thị Nam Hoàng Đồng I					**2.554,8**
1	9	BT1	796	75	436,2
2	10	BT1	797	75	465,3
3	11	BT1	402	85	428,8
4	12	BT1	403	85	399,7
5	13	BT1	404	85	404,1
6	14	BT1	409	85	420,7